



Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Trường THCS Nguyễn Công Trứ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 08/9/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 26/11/2024

Ngày nhận đăng: 27/11/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Nghiên cứu khoa học

Quản lý hoạt động

Học sinh trung học cơ sở

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của học sinh (HS) các trường trung học cơ sở (THCS) huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Mẫu khảo sát gồm 120 cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) các trường THCS trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Dữ liệu được thu thập thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và được xử lý theo các chỉ số điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC), tính phần trăm bằng phần mềm SPSS 20. Kết quả nghiên cứu cho thấy thực trạng quản lý hoạt động NCKH (bao gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH) của HS các trường THCS tại địa bàn nghiên cứu được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả khá. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng, bài báo đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động NCKH của HS các trường THCS huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu được tiến hành nhằm đóng góp cho khoa học thông qua việc thu thập, diễn giải và đánh giá dữ liệu một cách có hệ thống, và được thực hiện theo kế hoạch, được gọi là nghiên cứu khoa học (Ozhan Caparlar & Donmez, 2016). Nhà nghiên cứu là người thực hiện nghiên cứu này. Nghiên cứu khoa học đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc phát triển tri thức và giải quyết các vấn đề trong xã hội. Nó không chỉ giúp mở rộng phạm vi hiểu biết của con người về thế giới xung quanh mà còn là cơ sở để phát triển các công nghệ, phương pháp và sản phẩm mới (Grüu, 2016). Thông qua nghiên cứu khoa học, chúng ta có thể cải thiện chất lượng cuộc sống, giải quyết các vấn đề môi trường, y tế và xã hội, đồng thời thúc đẩy nền kinh tế quốc gia. Ngoài ra, nghiên cứu khoa học cũng giúp nâng cao năng lực sáng tạo và tư duy phản biện, từ đó đào tạo ra những thế hệ nhân lực có khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn, phục vụ cho sự phát triển bền vững của xã hội (Grüu, 2016).

Quản lý hoạt động NCKH của HS là hệ thống những tác động tự giác (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật) của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý (HS) nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả hoạt động NCKH góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo của nhà trường. Quản lý hoạt động NCKH của HS ở trường THCS đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Thông qua việc định hướng đề tài, tổ chức các hoạt động nghiên cứu, và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết, công tác quản lý không chỉ khuyến khích học sinh khám phá tri thức mà còn rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, phân tích và thuyết trình. Đồng thời, quản lý hiệu quả góp phần thúc đẩy phong trào học tập tích cực, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển cá nhân và năng lực khoa học của HS trong tương lai.

Hiện nay, hoạt động NCKH và quản lý hoạt động NCKH đang thực hiện theo Thông tư 32/2017/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo thông tư số 38/2012/TT-BGDĐT ngày 02

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thanh Thảo;

Địa chỉ e-mail: thaonguyencongtru@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.112.2025>

tháng 11 năm 2012 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017).

Trước đây, cũng có nhiều công trình nghiên cứu về biện pháp quản lý hoạt động NCKH của sinh viên (Đinh Thị Thanh, 2015), của viên chức trường đại học (Nguyễn Thị Như Trang và cộng sự, 2023), của HS trung học phổ thông (Nguyễn Thị Bạch Yến, 2021)...Tuy nhiên vẫn còn thiếu những nghiên cứu đánh giá thực trạng quản lý hoạt động NCKH cho HS ở các trường THCS, đặc biệt trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Nhằm lấp đầy khoảng trống trong tài liệu, chúng tôi nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động NCKH cho HS ở các trường THCS huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Trong bài báo này, quản lý hoạt động NCKH cho HS ở các trường THCS được xem xét qua các khía cạnh sau đây: Xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH, tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH, chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH, quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động NCKH.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để đánh giá thực trạng, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Mẫu nghiên cứu được thực hiện tại 20 trường THCS công lập trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, với tổng số 120 người tham gia khảo sát, bao gồm 30 CBQL và 90 GV. Mẫu khảo sát được chọn ngẫu nhiên nhằm đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy. Về giới tính, nhóm khảo sát gồm 35 nam (29,2%) và 85 nữ (70,8%). Về độ tuổi, số người dưới 30 tuổi là 18 (15,0%), từ 30 đến 40 tuổi chiếm số lượng lớn nhất với 45 người (37,5%), từ 41 đến 50 tuổi với 47 người (39,2%), và trên 50 tuổi là 10 người (8,3%). Về cơ cấu, 25% mẫu là CBQL và 75% là GV. Xét về trình độ học vấn, trình độ đại học với 101 người (84,2%), trên đại học là 16 người (13,3%) và cao đẳng là 3 người (2,5%). Về thâm niên công tác, 13 người (10,8%) có thời gian làm việc dưới 5 năm, 23 người (19,2%) có thâm niên từ 5 đến 10 năm, 32 người (26,7%) từ 11 đến 15 năm, 17 người (14,2%) từ 16 đến 20 năm, và 35 người (29,2%) trên 20 năm.

Phương pháp khảo sát và xử lý số liệu: Phiếu điều tra được thiết kế gồm 2 phần: phần thông tin cá nhân và phần nội dung. Phần nội dung bao gồm những câu hỏi để tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động NCKH của HS các trường THCS huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Các câu hỏi được thiết kế trên thang Likert 5 bậc từ 1 (không bao giờ/ kém) đến 5 (rất thường xuyên/ tốt). Dữ liệu sau khi được thu thập và làm sạch sẽ nhập vào phần mềm SPSS 20 để xử lý thống kê. Các phép thống kê được sử dụng bao gồm tính số lượng và tỷ lệ, tính ĐTB và ĐLC. Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n = (5 - 1)/5 = 0.80, theo đó, thang đo khoảng theo giá trị điểm trung bình được quy ước như sau: Rất thường xuyên/Tốt ($4,21 \leq M \leq 5,0$); Thường xuyên/Khá ($3,41 \leq M < 4,20$); Bình thường/Trung bình ($2,61 \leq M < 3,40$); Hiếm khi/Yếu ($1,81 \leq M < 2,60$); Không bao giờ/Kém ($1,0 \leq M < 1,80$).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh ở trường Trung học cơ sở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Bảng 1 trình bày kết quả khảo sát về thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của HS các trường THCS huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Bảng 1. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của HS THCS

STT	Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xác định mục tiêu tổ chức hoạt động NCKH.	3,63	0,768	3,77	0,905
2	Khảo sát nhu cầu của HS (nguyên vọng và khả năng).	3,41	0,865	3,43	0,786
3	Lập kế hoạch chi tiết.	3,60	0,824	3,68	0,879
4	Xác định nguồn lực cần thiết cho hoạt động.	3,56	0,868	3,64	0,896
5	Xác định chương trình đào tạo cho GV và HS.	3,44	0,848	3,58	0,931
6	Thiết lập quy trình tham gia.	3,48	0,907	3,63	0,899
7	Xây dựng hệ thống theo dõi và tiêu chí đánh giá.	3,52	0,898	3,61	0,91
8	Xây dựng công cụ đánh giá các dự án NCKH.	3,52	0,888	3,59	0,957
9	Xác định cách thức tổ chức hội thảo hoặc cuộc thi.	3,43	0,658	3,57	0,886
10	Lên kế hoạch cho việc tổng kết, đánh giá.	3,42	0,875	3,52	0,935

Kết quả ở bảng 1 cho thấy:

Về mức độ thực hiện: Mức độ thực hiện các nội dung xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của HS ở mức thường xuyên với ĐTB dao động từ 3,41 đến 3,63. Theo đó, nội dung “Xác định mục tiêu tổ chức hoạt động

NCKH” được đánh giá cao nhất với ĐTB = 3,63, cho thấy CBQL và GV có sự quan tâm lớn đến việc xác định rõ mục tiêu cho hoạt động NCKH của HS. Nội dung “*Khảo sát nhu cầu của HS (nguyện vọng và khả năng)*” có ĐTB thấp nhất là 3,41, cho thấy hoạt động khảo sát này chưa được thực hiện thường xuyên như các nội dung khác. Điều này có thể phản ánh rằng CBQL và GV chưa dành đủ sự quan tâm cho việc khảo sát nhu cầu HS. Điều này có thể ảnh hưởng đến chất lượng các hoạt động NCKH, do đó cần có chế độ khảo sát nhu cầu thường xuyên và hệ thống hơn để nắm bắt kịp thời sự thay đổi về nguyện vọng và khả năng của HS, từ đó hiệu chỉnh các hoạt động cho phù hợp.

Về kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện các nội dung xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của HS được thực hiện ở mức khá có ĐTB dao động từ 3,43 đến 3,77. Trong đó, nội dung “*Xác định mục tiêu tổ chức hoạt động NCKH*” được đánh giá cao nhất với ĐTB = 3,77, cho thấy rằng các mục tiêu tổ chức hoạt động NCKH đã được xác định một cách cụ thể, thực tế và có tính khả thi. Điều này chứng tỏ rằng các trường THCS ở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã có sự chú trọng và thực hiện hiệu quả trong việc xác định các mục tiêu cụ thể việc tổ chức hoạt động NCKH. Nội dung “*Khảo sát nhu cầu của HS*” được đánh giá thấp nhất với ĐTB=3.43, chứng tỏ rằng các trường chưa thực sự lắng nghe và đáp ứng mong muốn của học sinh. Điều này có thể dẫn đến việc các hoạt động NCKH không phù hợp hoặc không hấp dẫn đối với HS, từ đó ảnh hưởng đến sự tham gia và hiệu quả của các hoạt động này. “*Xác định cách thức tổ chức hội thảo hoặc cuộc thi*” (ĐTB=3.57) và “*Lên kế hoạch cho việc tổng kết, đánh giá*” (ĐTB=3.52) cũng có ĐTB thấp, cho thấy rằng có thể còn thiếu những kế hoạch chi tiết và phương pháp hiệu quả để thực hiện các nội dung này. Có thể, các hội thảo và cuộc thi chưa được thiết kế phù hợp với nhu cầu và khả năng của HS, dẫn đến việc tham gia không đạt yêu cầu, vì vậy cần được chú trọng hơn để nâng cao hiệu quả của NCKH.

3.2. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh ở trường Trung học cơ sở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Bảng 2 trình bày kết quả khảo sát thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS ở trường THCS huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Bảng 2. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS THCS

STT	Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Thành lập ban chỉ đạo hoạt động NCKH của HS và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban chỉ đạo.	3,99	0,761	3,93	0,807
2	Phân công GV hỗ trợ, hướng dẫn HS trong quá trình nghiên cứu.	3,76	0,767	3,78	0,874
3	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về phương pháp NCKH cho GV.	3,46	0,878	3,52	0,898
4	Tổ chức các buổi chia sẻ kỹ năng nghiên cứu, giúp HS hiểu rõ hơn về quy trình và phương pháp nghiên cứu.	3,44	0,896	3,48	0,917
5	Trang bị phòng thực hành thí nghiệm, đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện, kỹ thuật, tài liệu phục vụ cho hoạt động NCKH của HS	3,67	0,792	3,66	0,874
6	Vận động nguồn kinh phí từ các cá nhân, tổ chức ngoài nhà trường nhằm hỗ trợ cho hoạt động NCKH của HS.	3,44	0,924	3,48	0,898
7	Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ phận liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH.	3,46	0,888	3,48	0,869

Về mức độ thực hiện: Mức độ thực hiện các nội dung tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS ở mức thường xuyên với ĐTB dao động từ 3,44 đến 3,99. Trong đó, nội dung “*Thành lập ban chỉ đạo hoạt động NCKH của HS và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban chỉ đạo*” được đánh giá cao nhất với ĐTB=3,99 và được thực hiện thường xuyên nhất, điều này cho thấy các trường đã có sự chú trọng đáng kể đến việc phát triển cấu trúc lãnh đạo cho hoạt động NCKH, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và quản lý. Các trường THCS đã có những bước đi quan trọng trong việc tổ chức và quản lý các hoạt động nghiên cứu một cách chuyên nghiệp và hiệu quả. Nội dung “*Tổ chức các buổi chia sẻ kỹ năng nghiên cứu, giúp HS hiểu rõ hơn về quy trình và phương pháp nghiên cứu*” (ĐTB=3,44) và “*Vận động nguồn kinh phí từ các cá nhân, tổ chức ngoài nhà trường nhằm hỗ trợ cho hoạt động NCKH của HS*” (ĐTB=3,44) có ĐTB bằng nhau và thấp nhất trong các nội dung đánh giá, cho thấy rằng các buổi chia sẻ kỹ năng và đào tạo cho HS chưa được tổ chức thường xuyên hoặc chưa đủ hấp dẫn và hiệu quả. Điều này có thể dẫn đến việc HS không nắm vững quy trình và phương pháp nghiên cứu, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động NCKH. Đồng thời, cho thấy việc vận động nguồn kinh phí từ bên ngoài cũng chưa được tổ chức thường xuyên lắm, có thể do thiếu sự quan tâm hoặc chưa có chiến lược rõ ràng trong việc kêu gọi hỗ trợ từ cộng đồng, các tổ

chức hoặc cá nhân. Điều này có thể làm giảm khả năng triển khai các dự án nghiên cứu đa dạng và phong phú. Vì vậy, CBQL các trường cần tổ chức các chương trình bồi dưỡng, chia sẻ kiến thức, kỹ năng NCKH cho HS và tích cực xây dựng mối quan hệ với các tổ chức bên ngoài để tăng cường nguồn lực tài chính hỗ trợ cho hoạt động NCKH của HS.

Về kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện các nội dung tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS là khá với ĐTB dao động từ 3,48 đến 3,93. Theo đó, nội dung “*Thành lập ban chỉ đạo hoạt động NCKH của HS và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban chỉ đạo*” được đánh giá cao nhất với ĐTB=3,93, cho thấy sự quan tâm và quyết tâm từ ban lãnh đạo trong việc tạo dựng một khung tổ chức rõ ràng. Điều này không chỉ đảm bảo trách nhiệm mà còn thúc đẩy các thành viên trong ban chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ của mình. Nội dung “*Phân công GV hỗ trợ, hướng dẫn HS*” có ĐTB cao thứ hai là 3,78, cho thấy sự nỗ lực trong việc hướng dẫn HS, điều này quan trọng cho sự thành công của các dự án NCKH, đồng thời cũng cho thấy GV là nguồn động lực không thể thiếu trong quá trình NCKH của HS. Nội dung “*Trang bị phòng thực hành thí nghiệm, đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện, kỹ thuật, tài liệu phục vụ cho hoạt động NCKH của HS*”(ĐTB=3,66) và “*Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về phương pháp NCKH cho GV*”(ĐTB=3,52) có ĐTB thấp hơn so với hai nội dung trên nhưng vẫn có kết quả khá cao, cho thấy rằng sự nỗ lực của các trường THCS trong việc tạo ra môi trường thực hành tốt cho HS. Các nội dung “*Tổ chức các buổi chia sẻ kỹ năng nghiên cứu, giúp HS hiểu rõ hơn về quy trình và phương pháp nghiên cứu*”; “*Vận động nguồn kinh phí từ các cá nhân, tổ chức ngoài nhà trường nhằm hỗ trợ cho hoạt động NCKH của HS*” và “*Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ phận liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH*” đều có ĐTB =3,48, thấp nhất trong các nội dung khảo sát, cho thấy rằng các hoạt động liên quan đến giáo dục và hỗ trợ cho HS chưa được chú trọng hoặc thực hiện một cách đồng bộ. Việc tổ chức chia sẻ kỹ năng nghiên cứu có thể chưa đủ hấp dẫn hoặc thiếu nội dung thực tiễn, dẫn đến việc HS không thấy được lợi ích rõ ràng từ các buổi chia sẻ này. Điểm số thấp, cho thấy khó khăn trong việc huy động và tìm kiếm các nguồn lực bên ngoài; sự thiếu kết nối giữa nhà trường với cộng đồng hoặc còn thiếu những chiến lược hiệu quả để gây quỹ cho các hoạt động nghiên cứu. Bên cạnh đó, còn cho thấy cơ chế phối hợp giữa các bộ phận liên quan còn yếu. Thiếu sự đồng bộ trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động NCKH có thể dẫn đến những rào cản trong quá trình triển khai và thực hiện kế hoạch. Như vậy, kết quả trên cho thấy cần thiết phải cải thiện và đầu tư nhiều hơn cho các hoạt động thiết thực nhằm nâng cao nhận thức và tham gia của HS cũng như các bên liên quan khác vào hoạt động NCKH. Cần tăng cường tổ chức các buổi chia sẻ kỹ năng, phương pháp NCKH; cần có giải pháp huy động các nguồn lực và xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ để giúp tạo ra nền tảng vững chắc cho hoạt động NCKH tại các trường THCS.

3.3. Thực trạng chỉ đạo, triển khai việc thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh ở trường Trung học cơ sở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Số liệu ở bảng 3 cho biết thực trạng chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS ở trường THCS huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Bảng 3. Thực trạng chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS THCS

Stt	Chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Chỉ đạo GV triển khai kế hoạch NCKH tới HS toàn trường.	3,74	0,772	3,95	0,798
2	Chỉ đạo GV cho HS lựa chọn và đăng ký lĩnh vực nghiên cứu, theo nhóm hoặc cá nhân.	3,63	0,810	3,60	0,929
3	Chỉ đạo GV hướng dẫn HS lập kế hoạch, xây dựng đề cương nghiên cứu.	3,58	0,827	3,74	0,874
4	Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực hướng dẫn NCKH của HS cho đội ngũ GV.	3,54	0,888	3,53	0,961
5	Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực, quy trình tiến hành đề tài nghiên cứu cho HS.	3,47	0,907	3,53	0,859
6	Chỉ đạo việc hỗ trợ CSVN, thiết bị phục vụ cho hoạt động nghiên cứu.	3,58	0,816	3,73	0,898
7	Chỉ đạo việc phối hợp giữa các lực lượng giáo dục cùng tham gia hoạt động NCKH của HS.	3,54	0,829	3,61	0,882
8	Chỉ đạo tổ chức ngày Hội STEM; thi NCKH cấp trường.	3,70	0,784	3,85	0,958
9	Chỉ đạo việc lựa chọn các đề tài có tính khả thi tiếp tục đầu tư, triển khai nghiên cứu sâu.	3,55	0,787	3,62	0,954

Về mức độ thực hiện: Mức độ thực hiện các nội dung chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS ở mức thường xuyên với ĐTB dao động từ 3,47 đến 3,74. Như vậy, nội dung “*Chỉ đạo GV triển khai kế hoạch NCKH tới HS*” có ĐTB cao nhất là 3,74, cho thấy nội dung này đã được lãnh đạo các trường THCS quan tâm, chỉ đạo thực hiện thường xuyên nhất. Nội dung “*Chỉ đạo tổ chức ngày Hội STEM; thi NCKH cấp trường*” (ĐTB=3,70), cho thấy nội dung này cũng được chỉ đạo và triển khai thực hiện thường xuyên ở các trường THCS. Nội dung “*Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực, quy trình tiến hành đề tài nghiên cứu cho HS*” có ĐTB thấp nhất là 3,47. Đây là lĩnh vực có mức thực hiện thấp nhất, cho thấy ít có sự chỉ đạo thường xuyên. Cần có sự chỉ đạo tổ chức những chương trình đào tạo và bồi dưỡng đi vào chiều sâu để cải thiện năng lực nghiên cứu cho HS. Nội dung “*Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực hướng dẫn NCKH của HS cho đội ngũ GV*” và “*Chỉ đạo việc phối hợp giữa các lực lượng giáo dục cùng tham gia hoạt động NCKH của HS*” có ĐTB=3,54. Đây là hai nội dung có mức độ thực hiện thấp thứ hai, tuy được thực hiện ở thường xuyên nhưng chưa đủ sức mạnh, cần có sự quan tâm chỉ đạo thực hiện nhiều hơn nữa.

Về kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện các nội dung chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS ở mức khá với ĐTB dao động từ 3,53 đến 3,95. Theo đó, nội dung “*Chỉ đạo GV triển khai kế hoạch NCKH tới HS toàn trường*” có ĐTB cao nhất là 3,95, cho thấy sự chủ động và nghiêm túc của GV trong việc truyền đạt kế hoạch đến HS, tạo ra một môi trường khuyến khích sự tham gia của HS. Với ĐTB cao thứ hai, nội dung “*Chỉ đạo tổ chức ngày Hội STEM; thi NCKH cấp trường*” (ĐTB=3,85) cho thấy, công tác này được chỉ đạo thực hiện rất tích cực ở các trường THCS và đạt được kết quả khá cao, vì hoạt động này không chỉ kích thích sự sáng tạo mà còn tạo cơ hội cho HS thực hành và áp dụng lý thuyết. Nội dung có ĐTB thấp nhất đó là “*Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực hướng dẫn NCKH của HS cho đội ngũ GV*” và “*Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực, quy trình tiến hành đề tài nghiên cứu cho HS*” với cùng ĐTB = 3,53, cho thấy rằng công tác bồi dưỡng năng lực hướng dẫn NCKH cho GV và bồi dưỡng năng lực, quy trình tiến hành đề tài nghiên cứu cho HS phản ánh mức độ thực hiện chưa cao, kết quả thực hiện còn thấp. Điều này cho thấy rằng, có thể các chương trình hỗ trợ hiện tại không đủ mạnh mẽ hoặc chưa được triển khai một cách đồng bộ và hiệu quả ở các trường THCS. Như vậy, kết quả đánh giá trên cho thấy những nỗ lực trong chỉ đạo và triển khai hoạt động NCKH của các trường THCS huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã đạt được những thành công nhất định, nhưng cũng phản ánh rõ những lĩnh vực cần cải thiện. Đặc biệt, chú trọng công tác bồi dưỡng năng lực hướng dẫn NCKH cho đội ngũ GV và bồi dưỡng năng lực, quy trình tiến hành đề tài nghiên cứu cho HS. Đây là chìa khóa để nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của HS trong tương lai.

3.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học của học sinh ở trường Trung học cơ sở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Số liệu ở bảng 4 cho biết thực trạng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS ở trường THCS huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Bảng 4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS THCS

STT	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng các tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH của HS.	4,01	0,835	3,93	0,877
2	Theo dõi, giám sát đánh giá thường xuyên quá trình thực hiện đề tài.	3,60	0,874	3,72	0,927
3	Biểu dương, khen thưởng GV, HS tích cực, có kết quả tốt trong hoạt động NCKH.	3,78	0,769	3,78	0,864
4	Phê bình, nhắc nhở GV chưa tích cực trong quá trình hướng dẫn HS.	3,43	0,786	3,47	0,849
5	Tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm hoạt động NCKH của HS trong nhà trường.	3,44	0,786	3,57	0,827
6	Phối hợp các lực lượng liên quan cùng tham gia kiểm tra, đánh giá.	3,44	0,731	3,69	0,683

Về mức độ thực hiện: Mức độ thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS ở mức thường xuyên với ĐTB dao động từ 3,09 đến 4,01. Trong đó, nội dung “*Xây dựng các tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH của HS*” được đánh giá cao nhất với ĐTB=4,01, cho thấy rằng nội dung này được thực hiện thường xuyên nhất và có sự đồng thuận cao. Đây là một nền tảng vững chắc trong việc quản lý và đánh giá hoạt động NCKH của HS. Nội dung “*Biểu dương, khen thưởng GV, HS tích cực, có kết quả tốt trong hoạt động NCKH*” (ĐTB=3,78) và “*Theo dõi, giám sát đánh giá thường xuyên quá trình thực hiện đề tài*” (ĐTB=3,60) có mức độ thực hiện tương đối thường xuyên, nhưng không cao, vẫn cần có sự cải thiện để việc theo dõi, giám sát và biểu dương, khen thưởng được tiến hành một cách liên tục, đồng bộ hơn. Các nội dung “*Tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm hoạt động NCKH của HS trong*

nhà trường” (ĐTB=3,44); “Phối hợp các lực lượng liên quan cùng tham gia kiểm tra, đánh giá” (ĐTB=3,44) và “Phê bình, nhắc nhở GV chưa tích cực trong quá trình hướng dẫn HS” (ĐTB=3,43) cũng được các trường THCS thực hiện tương đối thường xuyên nhưng ở mức độ thấp. Trong đó, nội dung “Phê bình, nhắc nhở GV chưa tích cực trong quá trình hướng dẫn HS” có mức độ thực hiện thấp nhất, nguyên nhân có thể do các trường THCS chưa chú trọng việc này hoặc do không có một quy trình, tiêu chuẩn rõ ràng để thực hiện việc phê bình và nhắc nhở GV, dẫn đến sự thiếu nhất quán và không hiệu quả trong hoạt động này.

Về kết quả thực hiện: Kết quả thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động NCKH của HS ở mức khá với ĐTB dao động từ 3,47 đến 3,93. Theo đó, nội dung “Xây dựng các tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH của HS” được đánh giá cao nhất với ĐTB=3,93. Đây là nội dung thực hiện tốt nhất, cho thấy các trường THCS đã có sự đầu tư nghiêm túc vào việc xác định các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hoạt động NCKH, giúp HS hiểu rõ hơn về kỳ vọng và mục tiêu, từ đó nâng cao động lực tham gia nghiên cứu. Nội dung “Biểu dương, khen thưởng GV, HS tích cực, có kết quả tốt trong hoạt động NCKH” (ĐTB=3,78) và “Theo dõi, giám sát đánh giá thường xuyên quá trình thực hiện đề tài” (ĐTB=3,72) cũng được đánh giá với điểm số khá cao, cho thấy rằng các trường THCS đã có những biện pháp cụ thể nhằm động viên và khen thưởng GV và HS có thành tích tốt trong NCKH. Đồng thời, cho thấy các trường THCS đã thực hiện khá tốt việc theo dõi và giám sát quá trình thực hiện các đề tài nghiên cứu của HS. Tuy nhiên, cần duy trì sự liên tục trong việc đánh giá để kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề, đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án nghiên cứu. Nội dung “Phê bình, nhắc nhở GV chưa tích cực trong quá trình hướng dẫn HS” có ĐTB thấp nhất là 3,47. Đây là nội dung có điểm số thấp nhất nhưng vẫn đạt mức khá. Điều này cho thấy việc phê bình và nhắc nhở GV chưa được thực hiện mạnh mẽ, chưa đem lại hiệu quả cao. Nội dung “Tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm hoạt động NCKH của HS trong nhà trường” (ĐTB=3,57) đạt mức vừa phải nhưng vẫn thấp hơn so với các tiêu chí đầu. Điều này cho thấy rằng, công tác tổ chức đánh giá và rút kinh nghiệm cần tiếp tục cải thiện đạt hiệu quả cao hơn, với khả năng chưa thực sự được hỗ trợ tốt cho GV và HS trong việc học hỏi từ những trải nghiệm trước.

4. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát thực trạng trên cho thấy công tác quản lý hoạt động NCKH tại các trường THCS huyện Trảng Bom được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả khá, trên phương diện thực hiện các chức năng quản lý từ lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá hoạt động. Tuy nhiên vẫn còn khá nhiều hạn chế ở nhiều nội dung quản lý cần khắc phục. Trên cơ sở thực trạng đó, chúng tôi đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động NCKH của học sinh tại các trường THCS huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Các biện pháp này bao gồm: (1) Nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL, GV và HS về hoạt động NCKH của HS THCS; (2) Chú trọng việc lập kế hoạch hoạt động NCKH của HS THCS; (3) Tăng cường công tác tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá hoạt động NCKH của HS THCS; (4) Đảm bảo tốt các điều kiện hỗ trợ hoạt động NCKH của HS THCS; (5) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực hướng dẫn NCKH cho đội ngũ GV THCS. Các biện pháp này phải được thực hiện một cách đồng bộ và linh hoạt cho phù hợp với điều kiện cụ thể của các nhà trường để có thể mang lại hiệu quả cao nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Thông tư số 32/2017/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 38/2012/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 11 năm 2012.*
- Đinh, T. T. (2015). *Biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum* (Luận văn thạc sĩ). Đại học Đà Nẵng.
- Grün, M. (2016). The role of scientific research in modern society. *Eastern European Journal for Regional Studies*, (1), 109–114.
- Nguyễn, T. B. Y. (2021). Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của học sinh ở các trường trung học phổ thông huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*, 4(64).
- Nguyễn, T. N. T., Trần, L., & Nguyễn, T. B. P. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của viên chức Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. *Tạp chí Y Dược Cần Thơ*, 61, 387–392.
- Ozhan Caparlar, C., & Donmez, A. (2016). What is scientific research and how can it be done? *Turkish Journal of Anesthesia and Reanimation*, 44(4), 212–218. <https://doi.org/10.5152/TJAR.2016.34711>

The current status of managing scientific research activities of students in secondary schools in Trang Bom district, Dong Nai province

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyen Cong Tru Secondary School, Trang Bom District, Dong Nai Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received 08 September 2024

Received in revised form 26 November 2024

Accepted 27 November 2024

Published 20 December 2025

Keywords:

Scientific research

Activity management

Secondary school students

Corresponding author:

Nguyễn Thị Thanh Thảo

E-mail address:

thaonguyencongru@gmail.com

ABSTRACT

This study aims to assess the current situation of managing scientific research activities of students at secondary schools in Trang Bom district, Dong Nai province. The survey sample consisted of 120 managers and teachers from secondary schools in the district. Data was collected using a questionnaire and analyzed based on average scores, standard deviations, and percentage calculations using SPSS 20 software. The results indicate that the management of scientific research activities (including planning, organizing the implementation of plans, directing the execution of plans, and evaluating the implementation of scientific research activities) in secondary schools in the study area is carried out regularly and achieves good results. Based on the findings, the article proposes several management measures to improve scientific research activities for students at secondary schools in Trang Bom district, Dong Nai province.
